

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 26
8. Phụ lục	27 - 29

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0309444635, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 09 tháng 3 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 – 28) 6288 8809
- Fax : (84 – 28) 6288 7980

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: đại lý vận tải hàng hóa, kể cả dịch vụ liên quan tới hậu cần, lấy mẫu, cân hàng hóa, đại lý làm thủ tục hải quan, môi giới thuê tàu biển).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Hoài Giang	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Ngọc Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Lê Quốc Việt	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Nguyễn Năng Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 5 năm 2019
Ông Đới Thanh Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Lê Thị Huyền	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2018
Ông Nguyễn Lê Bảo Quốc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018
Ông Trần Tất Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 5 năm 2018

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đới Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Quốc Việt	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 10 năm 2018
Ông Nguyễn Thái Bình	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Võ Xuân Chung	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020



# CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đới Thanh Hải	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Nguyễn Minh Hải	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Minh Hải  
Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2020



Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam  
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam  
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam  
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam  
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1231/20/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2020, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



**Nguyễn Minh Trí** Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>131.630.995.873</b>	<b>121.626.028.644</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>58.375.849.587</b>	<b>55.985.406.506</b>
1. Tiền	111		23.375.849.587	10.985.406.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	45.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>73.255.146.286</b>	<b>65.232.323.273</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	72.345.545.485	60.898.825.050
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	266.000.000	1.431.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	643.600.801	2.902.498.223
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>408.298.865</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	373.778.605
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	34.520.260
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>256.869.465.965</b>	<b>274.270.769.014</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>254.535.972.685</b>	<b>271.712.037.417</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	254.535.972.685	271.712.037.417
- Nguyên giá	222		390.470.166.763	390.395.166.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(135.934.194.078)	(118.683.129.346)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>529.696.959</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.6	529.696.959	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.803.796.321</b>	<b>2.558.731.597</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1.803.796.321	2.558.731.597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>388.500.461.838</b>	<b>395.896.797.658</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>198.613.013.057</b>	<b>183.872.904.506</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103.832.837.172</b>	<b>74.292.232.245</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	30.741.746.673	31.360.417.590
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	139.426.417	170.946.417
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	5.376.121.174	3.928.185.260
4. Phải trả người lao động	314	V.11	4.857.045.505	7.969.878.719
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	171.678.605	773.825.700
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	32.518.626.623	313.901.965
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	29.600.992.752	29.600.992.752
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	427.199.423	174.083.842
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>94.780.175.885</b>	<b>109.580.672.261</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	94.780.175.885	109.580.672.261
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>189.887.448.781</b>	<b>212.023.893.152</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>189.887.448.781</b>	<b>212.023.893.152</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		161.000.000.000	161.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.333.182.691	6.085.051.804
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	20.554.266.090	44.938.841.348
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.184.174.880	44.938.841.348
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		18.370.091.210	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>388.500.461.838</b>	<b>395.896.797.658</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020



Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
Người lập



Nguyễn Văn Hậu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hải  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**


(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	168.560.279.774	167.887.499.477
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		168.560.279.774	167.887.499.477
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	131.089.421.161	122.497.355.217
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37.470.858.613	45.390.144.260
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	531.984.046	1.167.980.254
7. Chi phí tài chính	22		6.300.498.317	7.577.566.385
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.300.498.317	7.577.566.385
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	8.745.230.301	9.818.974.509
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.957.114.041	29.161.583.620
11. Thu nhập khác	31		5.500.472	4.306
12. Chi phí khác	32		501	1.124
13. Lợi nhuận khác	40		5.499.971	3.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		22.962.614.012	29.161.586.802
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	4.592.522.802	5.832.317.360
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>18.370.091.210</u>	<u>23.329.269.442</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	<u>876</u>	<u>1.190</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.5	<u>876</u>	<u>1.190</u>

  
 Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
 Người lập

  
 Nguyễn Văn Hậu  
 Kế toán trưởng

  
 Nguyễn Minh Hải  
 Giám đốc


TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		22.962.614.012	29.161.586.802
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.5	17.251.064.732	17.396.783.102
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(531.984.046)	(1.167.980.254)
- Chi phí lãi vay	06		6.300.498.317	7.577.566.385
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		45.982.193.015	52.967.956.035
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.374.912.342)	(1.976.839.993)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4.260.086.067)	7.513.690.190
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.128.713.881	138.308.375
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6.300.498.317)	(7.577.566.385)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(3.240.654.435)	(6.971.299.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.15	(8.053.420.000)	(6.246.401.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>16.881.335.735</b>	<b>37.847.847.681</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.5, V.6	(604.696.959)	(18.563.267.066)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4, VI.3	918.593.635	1.292.980.254
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>313.896.676</b>	<b>(17.270.286.812)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.14	(14.800.496.376)	(14.800.496.376)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13, V.16	(4.292.954)	(107.782.048)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(14.804.789.330)</i>	<i>(14.908.278.424)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>2.390.443.081</b>	<b>5.669.282.445</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>55.985.406.506</b>	<b>84.593.497.444</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>58.375.849.587</b>	<b>90.262.779.889</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

  
 Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
 Người lập

  
 Nguyễn Văn Hậu  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Minh Hải  
 Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: cho thuê cơ sở hạ tầng; bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến cảng biển, vận tải.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 146 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 151 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

315.  
TY  
HUU H  
TUY  
C  
ĐC

# CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 02 năm.

### 6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 15
Máy móc và thiết bị	10 – 15
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	10
Tài sản cố định hữu hình khác	05



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 10. Vốn chủ của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị.

### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **13. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **14. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một Cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ trong lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	205.969.248	28.470.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.169.880.339	10.956.936.506
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	45.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>23.375.849.587</b>	<b>55.985.406.506</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<i>65.146.363.971</i>	<i>49.964.533.818</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	65.146.363.971	49.964.533.818
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>7.199.181.514</i>	<i>10.934.291.232</i>
<b>Cộng</b>	<b>72.345.545.485</b>	<b>60.898.825.050</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng và Kiến trúc Nam An	266.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Thanh	-	1.200.000.000
Các nhà cung cấp khác	-	231.000.000
<b>Cộng</b>	<b>266.000.000</b>	<b>1.431.000.000</b>

**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	-	-	1.856.022.917	-
Thuế thu nhập cá nhân phải thu người lao động	194.053.252	-	111.049.286	-
Lãi dự thu tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	-	-	386.609.589	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	449.547.549	-	548.816.431	-
<b>Cộng</b>	<b>643.600.801</b>	<b>-</b>	<b>2.902.498.223</b>	<b>-</b>

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	272.555.154.609	110.449.808.310	6.969.040.208	421.163.636	390.395.166.763
Mua trong kỳ	-	-	-	75.000.000	75.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>272.555.154.609</b>	<b>110.449.808.310</b>	<b>6.969.040.208</b>	<b>496.163.636</b>	<b>390.470.166.763</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	68.713.657.831	43.940.941.046	5.910.261.489	118.268.980	118.683.129.346
Khấu hao trong kỳ	12.617.461.412	4.427.526.415	163.960.541	42.116.364	17.251.064.732
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>81.331.119.243</b>	<b>48.368.467.461</b>	<b>6.074.222.030</b>	<b>160.385.344</b>	<b>135.934.194.078</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	203.841.496.778	66.508.867.264	1.058.778.719	302.894.656	271.712.037.417
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>191.224.035.366</b>	<b>62.081.340.849</b>	<b>894.818.178</b>	<b>335.778.292</b>	<b>254.535.972.685</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 214.935.854.661 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn (xem thuyết minh số V.14b).

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí đầu tư mua sắm tài sản cố định máy cầu RTG 6+1 cho cảng Phú Hữu.

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	1.765.037.321	2.461.834.097
Công cụ, dụng cụ	38.759.000	96.897.500
<b>Cộng</b>	<b>1.803.796.321</b>	<b>2.558.731.597</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.043.231.500</b>	<b>11.053.478.170</b>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	13.750.000.000	10.750.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	293.231.500	303.478.170
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>16.698.515.173</b>	<b>20.306.939.420</b>
Công ty TNHH Gia Việt Khang Vina	3.729.000.000	3.963.300.000
Công ty TNHH Sài Gòn Container Phú Hữu	2.512.499.028	3.628.557.408
Công ty Cổ phần Xây dựng Vận tải Số 9	-	824.896.552
Các nhà cung cấp khác	10.457.016.145	11.890.185.460
<b>Cộng</b>	<b>30.741.746.673</b>	<b>31.360.417.590</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu Tư Phước Sơn	107.183.200	107.183.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kết Phát Thịnh	28.873.217	28.873.217
Các khách hàng khác	3.370.000	34.890.000
<b>Cộng</b>	<b>139.426.417</b>	<b>170.946.417</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	468.119.999	6.557.380.634	(6.580.109.128)	445.391.505
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.240.654.435	4.592.522.802	(3.240.654.435)	4.592.522.802
Thuế thu nhập cá nhân	219.410.826	732.018.684	(613.222.643)	338.206.867
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.928.185.260</b>	<b>11.884.922.120</b>	<b>(10.436.986.206)</b>	<b>5.376.121.174</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.962.614.012	29.161.586.802
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	22.962.614.012	29.161.586.802
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>4.592.522.802</b>	<b>5.832.317.360</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi Cơ quan thuế kiểm tra.

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 11. Phải trả người lao động

Tiền lương, tiền thưởng còn phải trả người lao động.

### 12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng máy móc	-	506.807.000
Chi phí nâng hạ, đóng rút container phải trả	-	79.355.100
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	171.678.605	187.663.600
<b>Cộng</b>	<b>171.678.605</b>	<b>773.825.700</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>26.183.096.000</b>	-
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé - Cổ tức phải trả	14.538.400.000	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	11.630.800.000	-
Hội đồng quản trị - Cổ tức phải trả	13.896.000	-
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>6.335.530.623</b>	<b>313.901.965</b>
Cổ tức phải trả	6.074.023.280	61.412.234
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	131.663.939	130.646.327
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	129.843.404	121.843.404
<b>Cộng</b>	<b><u>32.518.626.623</u></b>	<b><u>313.901.965</u></b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

### 14. Vay

#### 14a. Vay ngắn hạn

Khoản vay dài hạn đến hạn trả của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn (xem thuyết minh V.14b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	29.600.992.752	29.596.264.954
Kết chuyển từ vay dài hạn	14.800.496.376	14.800.496.376
Số tiền vay đã trả	(14.800.496.376)	(14.800.496.376)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>29.600.992.752</u></b>	<b><u>29.596.264.954</u></b>

#### 14b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp cảng Tân Cảng Phú Hữu với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay tối đa 12 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng chính các tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.5).

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán khoản vay dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Từ 01 năm trở xuống	29.600.992.752	29.596.264.954
Trên 01 năm đến 05 năm	72.100.195.635	96.212.755.848
Trên 05 năm	22.679.980.250	28.173.140.587
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>124.381.168.637</u></b>	<b><u>153.982.161.389</u></b>

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	109.580.672.261	139.186.392.811
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(14.800.496.376)	(14.800.496.376)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>94.780.175.885</u></b>	<b><u>124.385.896.435</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14c. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	174.083.842	1.504.993.842
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	8.306.535.581	7.019.774.379
Chi quỹ	<u>(8.053.420.000)</u>	<u>(6.180.953.500)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>427.199.423</u></b>	<b><u>2.343.814.721</u></b>

**16. Vốn chủ sở hữu****16a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	161.000.000.000	3.907.366.416	41.463.131.376	206.370.497.792
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	23.329.269.442	23.329.269.442
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	2.177.685.388	(9.197.459.767)	(7.019.774.379)
Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	(65.448.000)	(65.448.000)
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>	<b><u>6.085.051.804</u></b>	<b><u>23.329.493.051</u></b>	<b><u>190.414.544.855</u></b>
Số dư đầu năm nay	161.000.000.000	6.085.051.804	44.938.841.348	212.023.893.152
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	18.370.091.210	18.370.091.210
Trích lập các quỹ	-	2.248.130.887	(10.554.666.468)	(8.306.535.581)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	(32.200.000.000)	(32.200.000.000)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>	<b><u>8.333.182.691</u></b>	<b><u>20.554.266.090</u></b>	<b><u>189.887.448.781</u></b>

**16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	72.692.000.000	72.692.000.000
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	58.154.000.000	58.154.000.000
Công ty Container Sài Gòn (TNHH)	10.495.810.000	10.495.810.000
Các cổ đông khác	19.658.190.000	19.658.190.000
<b>Cộng</b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>	<b><u>161.000.000.000</u></b>

**16c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.100.000	16.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.100.000	16.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 và Thông báo chi trả cổ tức số 237/TCPH ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc Công ty như sau:

	Số được phân phối	Số đã tạm trích trong năm trước	Số trích bổ sung trong kỳ này
Trích Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế)	2.248.130.887	-	2.248.130.887
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7.999.407.581	-	7.999.407.581
Trích thù lao, thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành	331.128.000	24.000.000	307.128.000
Chia cổ tức (2.000 VND/cổ phiếu)	32.200.000.000	-	32.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>42.778.666.468</b>	<b>24.000.000</b>	<b>42.754.666.468</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng	68.306.436.348	75.119.294.972
Doanh thu cung cấp dịch vụ	100.253.843.426	92.768.204.505
<b>Cộng</b>	<b>168.560.279.774</b>	<b>167.887.499.477</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ cho Công ty TNHH MTV Tân Cảng Sài Gòn là 135.443.651.780 VND (cùng kỳ năm trước là 140.598.502.099 VND).

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cho thuê cơ sở hạ tầng	39.517.521.221	39.236.298.390
Giá vốn cung cấp dịch vụ	91.571.899.940	83.261.056.827
<b>Cộng</b>	<b>131.089.421.161</b>	<b>122.497.355.217</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng.

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.946.798.727	7.417.729.331
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	364.725.871	954.743.946
Thuế, phí và lệ phí	24.331.972	148.112.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.582.476.875	583.907.670
Các chi phí khác	826.896.856	714.480.690
<b>Cộng</b>	<b>8.745.230.301</b>	<b>9.818.974.509</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 5. Lãi trên cổ phiếu

##### 5a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	18.370.091.210	23.329.269.442
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.097.403.895)	(3.999.703.791)
Trích thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành	(162.000.000)	(165.564.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	14.110.687.315	19.164.001.652
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	16.100.000	16.100.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>876</b>	<b>1.190</b>

##### 5b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này. Ngoài ra, lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại từ 1.137 VND lên 1.190 VND do điều chỉnh lại Quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao, tiền thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020.

#### 6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.360.362.838	6.031.229.538
Chi phí nhân công	18.721.014.210	18.133.399.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.251.064.732	17.396.783.102
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.800.551.121	89.037.213.460
Chi phí khác	1.701.658.561	1.717.703.744
<b>Cộng</b>	<b>139.834.651.462</b>	<b>132.316.329.726</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về chia cổ tức với các thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 13.896.000 VND (cùng kỳ năm trước không có giao dịch phát sinh).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.13.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 1.290.215.002 VND (cùng kỳ năm trước là 1.319.261.538 VND).

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông góp vốn
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Cổ đông góp vốn

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé</b>		
Thuê cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị	25.000.000.000	25.000.000.000
Thu hộ tiền thuê đất	-	7.609.305.802
Chia cổ tức	14.538.400.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</b>		
Mua dịch vụ	500.339.914	583.037.338
Chia cổ tức	11.630.800.000	-

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.8 và V.13.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ.

#### 2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng: cho thuê các cơ sở hạ tầng cảng biển như kho hàng, bến, bãi, cầu cảng, ...
- Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển: bốc xếp, đóng gói, rút ruột, nâng hạ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác.

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh theo bộ phận của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chỉ có ở khu vực miền Nam Việt Nam.

### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
Người lập

Nguyễn Văn Hậu  
Kế toán trưởng



Nguyễn Minh Hải  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	68.306.436.348	100.253.843.426	-	168.560.279.774
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>68.306.436.348</b>	<b>100.253.843.426</b>	<b>-</b>	<b>168.560.279.774</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	28.788.915.127	8.681.943.486	-	37.470.858.613
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(8.745.230.301)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				28.725.628.312
Doanh thu hoạt động tài chính				531.984.046
Chi phí tài chính				(6.300.498.317)
Thu nhập khác				5.500.472
Chi phí khác				(501)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.592.522.802)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>18.370.091.210</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>75.000.000</b>	<b>529.696.959</b>	<b>-</b>	<b>604.696.959</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>14.052.903.720</b>	<b>2.986.947.500</b>	<b>-</b>	<b>17.039.851.220</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU**

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	<u>Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.119.294.972	92.768.204.505	-	167.887.499.477
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>75.119.294.972</u>	<u>92.768.204.505</u>	<u>-</u>	<u>167.887.499.477</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>35.882.996.582</u>	<u>9.507.147.678</u>	<u>-</u>	45.390.144.260
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(9.818.974.509)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				35.571.169.751
Doanh thu hoạt động tài chính				1.167.980.254
Chi phí tài chính				<u>(7.577.566.385)</u>
Thu nhập khác				4.306
Chi phí khác				<u>(1.124)</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				<u>(5.832.317.360)</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<u>23.329.269.442</u>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<u>-</u>	<u>138.600.000</u>	<u>-</u>	<u>138.600.000</u>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<u>14.374.606.765</u>	<u>3.042.609.543</u>	<u>-</u>	<u>17.417.216.308</u>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG - PHÚ HỮU

Địa chỉ: Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cho thuê cơ sở hạ tầng	Lĩnh vực dịch vụ hỗ trợ cảng biển	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	214.935.854.661	37.383.103.265	-	252.318.957.927
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				136.181.503.912
<b>Tổng tài sản</b>				<b>388.500.461.838</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	124.381.168.637	-	-	124.381.168.637
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				74.231.844.420
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>198.613.013.057</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	228.988.758.381	40.370.050.765	-	269.358.809.146
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				126.537.988.512
<b>Tổng tài sản</b>				<b>395.896.797.658</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	139.181.665.013	-	-	139.181.665.013
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				44.691.239.493
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>183.872.904.506</b>

Nguyễn Thị Ngọc Thạch  
Người lập

Nguyễn Văn Hậu  
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2020

Nguyễn Minh Hải  
Giám đốc